

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 676/GPMT-UBND

Vạn Ninh, ngày 01 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án: Trạm bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá phục vụ gói thầu XL01 – Dự án thành phần đoạn Vân Phong – Nha Trang thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025 (xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần LIZEN tại Văn bản số 372/2023/CV-LIZEN ngày 26/12/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trạm bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá phục vụ Gói thầu XL1 : Dự án thành phần Vân Phong – Nha Trang thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 tại xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần LIZEN (địa chỉ trụ sở chính: số 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: Trạm bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá phục vụ gói thầu XL01 – Dự án thành phần đoạn Vân Phong – Nha Trang thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025 (tại xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án cơ sở: Trạm bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá phục vụ gói thầu XL01 – Dự án thành phần đoạn Vân Phong – Nha Trang thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Xuân Tụ 1, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0302310209 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/06/2006; đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 23/9/2022:

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0302310209

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: vật liệu xây dựng (bê tông nhựa nóng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Tổng diện tích sử dụng đất: 40.000m² (Công ty thực hiện trong phạm vi thửa đất số 91, tờ bản đồ 02 (bản đồ địa chính xã Vạn Hưng).

Quy mô: thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

Công suất: lắp đặt dây chuyền trộn bê tông nhựa nóng 160 tấn/h, dây chuyền nghiền đá 500m³ thành phẩm/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với khí thải, bụi và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần LIZEN (tổ chức được cấp Giấy phép môi trường).

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần LIZEN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, bụi, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, bụi, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện (cơ quan cấp phép môi trường), Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND xã Vạn Hưng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo UBND huyện.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 03 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Vạn Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *KV*

Nơi nhận:

- Sở TNMT tỉnh Khánh Hòa;
- Ban QLKK TVP tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng TNMT huyện;
- UBND xã Vạn Hưng;
- Công ty Cổ phần LIZEN;
- Chánh Văn phòng HĐND và UBND;
- Lưu: VT. *VT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Khiêm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 676 /GPMT-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá.

- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ quá trình các xe ra vào khu vực trạm trộn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí 1: tại vị trí đặt trạm trộn, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1399277,14, Y = 600520,01 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°.

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất:

2.2.1 Phương thức xả khí thải: khí thải từ trạm trộn, khí thải từ quá trình lưu thông xe chở nguyên vật liệu, chở bê tông nhựa nóng trên nền đường đất; xả khí thải theo thời gian hoạt động sản xuất của dự án.

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$) và hợp chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT) như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	1 năm/lần
2	CO	mg/Nm ³	1000	1 năm/lần
3	NO ₂	mg/Nm ³	1000	1 năm/lần
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	1 năm/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi để đưa về hệ thống xử lý bụi:

- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu đến tang sấy, băng gầu nóng, sàng phân loại, các ô chứa vật liệu nóng và được thu gom về Hệ thống lọc bụi 360 túi vải gắn liền máy trộn bê tông.

- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển của xe chở bê tông, các xe vận chuyển ra vào khu vực, lắp đường ống nước tưới bụi (bằng nhựa).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi → hệ thống lọc bụi 360 túi vải → khí sạch ra môi trường ngoài.

- Công suất thiết kế:

+ Sản xuất bê tông nhựa nóng: 160 tấn/h,

+ Dây chuyền nghiền đá công suất 500m³ thành phẩm/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi.

- Thường xuyên vệ sinh thiết bị túi vải nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý bụi.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như: Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý bụi không có khả năng xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất công đoạn phát sinh bụi, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến hệ thống xử lý bụi; sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý bụi mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1 Vị trí lấy mẫu

- Vị trí: tại ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi mài, tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1399277,14$, $Y = 600520,01$ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° .

2.2.2 Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo quy định tại mục 2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo chất lượng khí thải ra ngoài môi trường đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT). Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án sẽ khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong.

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 676 /GPMT-UBND
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Máy trộn bê tông nhựa nóng và dây chuyền nghiền đá
- Nguồn số 2: xe vận chuyển ra vào dự án

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: tại máy trộn

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

- Khu vực xung quanh nhà máy: đạt theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	≤70	≤55	1 năm/ lần	Khu vực thông thường
2	≤55	≤45		Khu vực đặc biệt

- Khu vực làm việc: đạt theo QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

3.2. Độ rung: Độ rung đạt theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	≤ 60	≤ 55	1 năm/ lần	Khu vực đặc biệt
2	≤ 70	≤ 60		Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở

của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A của Phụ lục này.

2.2. Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.4. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 686/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Vạn Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50
3	Giẻ lau dính dầu nhớt, hóa chất thải	Rắn	18 02 01	20
Tổng cộng		-	-	75

1.2. Chung loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

1.3. Chung loại, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án phát sinh với khối lượng khoảng 10kg/ngày. Chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (thực phẩm thừa,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Yêu cầu về thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ phải thuê đơn vị Công ty Cổ phần Môi trường Khánh Hòa thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Yêu cầu về thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được chủ dự án thu gom về bãi thải của dự án.

2.3. Yêu cầu về thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thùng chứa rác thải sinh hoạt, từ 1 – 2 thùng chứa tại khu vực dự án nơi có công nhân làm việc.

Chất thải được chủ dự án thuê Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa thu gom, xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

3.1. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

- Bình chữa cháy phòng chống cháy nổ: 02 bình (01 bình bột chữa cháy MFZL8, 01 bình CO₂MT5).

- Trạm trộn có kết cấu bê tông cốt thép chống bão cấp 8, xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai.